TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 27/11/2020
(V/*v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PH, TỈNH HOÀ BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tân và bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐ- ST ngày 29 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐ- ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, đường Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Kh- Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng H - Giám đốc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình *(Theo quyết định ủy quyền số 509/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của HĐTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam)*

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Đức M - Trưởng phòng kinh doanh- Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Ph *(Tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 116/UQ-NHNo.CP-KHKD, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cao Ph).* Ông Mậu có mặt.

Địa chỉ: Số 322, Khu 2, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1967; Vắng mặt không có lý do.

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Có mặt.

2. Ông Cao Văn M, sinh năm 1962; Có mặt

Cùng cư trú tại: Khu 4, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho Nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/6/2015 ông Nguyễn Văn Ph có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Cao Ph số tiền: 560.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3010- LAV – 2015011950 ngày 24/6/2015, phương thức cho vay: Từng lần; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, mục đích vay: Chăm sóc cam, Thời hạn vay: 31 tháng, thỏa thuận trả nợ thành 3 kỳ: Ngày 15/01/2016, số tiền 60.000.000 đồng; ngày 15/01/2017, số tiền 200.000.000 đồng và ngày 15/01/2018, số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm có:

- Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ph và bà Cao Thị X tại Khu 2, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, Giá trị định giá tài sản tại thời điểm thế chấp là 200.000.000 đồng (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/HĐTC ngày 17/6/2015).

- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 36, diện tích: 511, 1m2, Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ S, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002, Giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp là 600.000.000 đồng (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐTC ngày 19/6/2015).

Ngày 04/3/2016 ông Nguyễn Văn Ph thanh toán trả nợ gốc cho Ngân hàng, số tiền: 60.000.000 đồng. Ngày 05/01/2017 ông Ph xin cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo phân kỳ, số tiền gốc: 200.000.000 đồng và thanh toán số tiền lãi đến ngày 11/12/2016. Ngân hàng chấp nhận điều chỉnh lại kỳ hạn trả nợ sang kỳ tiếp theo vào ngày 15/01/2018 trả nợ gốc: 500.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2017 ông Ph trình bày do sức khỏe không tiếp tục sản xuất kinh doanh được nên đề nghị bán tài sản thế chấp quyền sử dụng của ông và bà X ở Khu 2, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa để thanh toán số tiền gốc 240.000.000 đồng và được Ngân hàng chấp nhận. Dư nợ hiện tại theo hợp đồng tín dụng số 3010- LAV – 201501950/HĐTD ngày 24/6/2015 là 260.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ về trả nợ vay được quy định trong hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu ông Ph thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng ông Ph vẫn không thực hiện như đã thỏa thuận. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Ph phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử ngày 27/11/2020 tổng số tiền: 403.462.731 đồng (bốn trăm linh ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 91.072.175 đồng, Nợ lãi quá hạn: 52.390.556 đồng.

Nếu ông Nguyễn Văn Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn M theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/HĐTC ngày 19/6/2015.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Ph để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Ngày 24 tháng 6 năm 2015 ông Nguyễn Văn Ph vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Phong số tiền là 560.000.000đ *(Năm trăm sáu mươi triệu đồng)* theo hợp đồng tín dụng số 3010-LAV-201501950 ngày 24/6/2015. Mục đích vay vốn: Chăm sóc kiến thiết cơ bản vườn cam 2.6ha. Để đảm bảo cho khoản vay ông có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và bà Cao Thị X (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/HĐTC ngày 17/6/2015) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn M (Theo hợp đồng thế chấp số 02HTX/HĐTC ngày 19 tháng 06 năm 2015). Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph đã trả nợ Ngân hàng được 300.000.000 đồng. Dư nợ hiện nay ông còn nợ Ngân hàng là 260.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Hiện nay để tính trả nợ cho ngân hàng ông Ph đang gọi bán lê đất thổ cư của bố, mẹ thừa kế để lại để ông Ph trả ngân hàng, thời gian chậm nhất vào ngày 31/3/2020 ông Ph sẽ tất toán cho Ngân hàng. Nếu không thực hiện đúng như cam kết ông Ph xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Ông Cao Văn M trình bày: Ông M đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02HTX/HĐTC ngày 19 tháng 06 năm 2015. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn Ph là người trực tiếp vay Ngân hàng phải có trách nhiệm trong việc trả nợ cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông M cho rằng hồ sơ thế chấp tài sản tại Ngân hàng chưa rõ ràng, trong hợp đồng thế chấp ông chỉ ký còn chữ viết họ và tên không phải chữ viết của ông, dấu giáp lai của hợp đồng là không khớp giữa các trang.

2. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận có việc ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Văn Ph (em trai bà). Bà H cũng đồng ý phát mại tài sản thế chấp và mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện thời gian tìm khách bán một nửa đất để thanh toán cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Ph phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi là: 403.462.731 đồng (bốn trăm linh ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 91.072.175 đồng, Nợ lãi quá hạn: 52.390.556 đồng. Trường hợp Nguyên đơn không thanh toán được số tiền trên, thì Bị đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản do bên Bảo lãnh đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC ngày 19/6/2015.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng và án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Ph không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Cao Ph có ký kết hợp đồng tín dụng số 3010-LAV-201501950 ngày 24/6/2015 với ông Nguyễn Văn Ph. Như vậy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại Khu 4, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph nên Tòa án nhân dân huyện Cao Ph thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số 3010-LAV-201501950, ngày 24/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Cao Ph với ông Nguyễn Văn Ph các bên đều thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa

vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay ông Nguyễn Văn Ph đã nhận toàn bộ số tiền vay 560.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 137.856.158 đồng. Kể từ đó cho đến nay ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả nợ gốc và lãi) theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph thanh toán tính đến ngày xét xử 27/11/2020 ông Ph còn nợ tổng số tiền 403.462.731 đồng (bốn trăm linh ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 91.072.175 đồng, Nợ lãi quá hạn: 52.390.556 đồng.

Xét thấy việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Ph phải trả nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 02 ngày 19/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn M hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông Ph là có thật, các bên đã tự nguyện ký kết, Các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Như vậy Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên thế chấp là đúng pháp luật, được chấp nhận theo quy định tại Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự.

Ông Cao Văn M cho rằng: Ông chỉ ký còn chữ viết họ và tên trong hợp đồng thế chấp không phải chữ viết của ông. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cũng thừa nhận ông M có ký vào hợp đồng thế chấp, còn chữ viết họ và tên không phải do ông M viết ra. Ngân hàng không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết họ và tên của ông M. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, trước khi ký kết ông đã đọc điều khoản trong hợp đồng, hơn nữa sau khi ký hợp đồng thế chấp, đã được đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền, thể hiện ông M có ký và ghi rõ họ và tên. Tại phiên tòa ông cũng không đề nghị được trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ và tên của ông thể hiện trong hợp đồng thế chấp. Như vậy, khẳng định việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC ngày 19/6/2015 là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số: 63, Tờ bản đồ số: 36, Diện tích: 511, 1m2, Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ S, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như đương sự cung

cấp thì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 hộ bà Nguyễn Thị H gồm có: Bà Nguyễn Thị h, ông Cao Văn M và hai con là anh Cao Văn D và chị Cao Thị Mai H. Tuy nhiên kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao ph thể hiện khi làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận cũng như các giấy tờ, tài liệu khác thể hiện chỉ có bà H và ông M. Do vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H chỉ có bà H và ông M.

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Cao Ph số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 3010-LAV-201501950 ngày 24/6/2015, tính đến ngày 27/11/2020. Tổng dư nợ gốc và lãi suất là: 403.462.731 đồng (bốn trăm linh ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 91.072.175 đồng, Nợ lãi quá hạn: 52.390.556 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn Ph không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 36, diện tích: 511,1m2, Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Cao Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ S, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002 (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐTC ngày 19/6/2015).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (tính tiếp theo sau ngày 27/11/2020) theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: số: 3010-LAV-201501950 ngày 24/6/2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 20.138.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Cao Ph, số tiền 9.226.000 đồng (*Chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số: 0000960 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Hòa Bình*
-*VKSND tỉnh Hòa Bình*
-*VKSND huyện Cao Ph*
-*Chi cục THADS huyện Cao Ph*
-*Các đương sự*
-*Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hiền